

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HS - ST
Ngày 04 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hồng Việt

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai;

Ông Trương Công Chự

Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Giáo dục huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhất Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo: Nông Văn T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2001 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; dân tộc Nùng; giới tính Nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Nông Văn Th, sinh năm 1973 và bà Leo Thị M, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện của bị cáo Nông Văn T: Ông Nông Văn Th, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Đ, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Bà Trang Thị Thuỳ Dương - Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

- Bị hại: Anh Bàn Tuấn C, sinh năm 1979;

Trú tại: Thôn Đ, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Kpuih B, sinh năm

1982; trú tại: Làng N, xã Ia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).
- *Người phiên dịch tiếng Nùng*: Bà Bế Thị Hợi (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 06/02/2018, Nông Văn T đi chơi về nhà ở Thôn Đ, xã I thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 81 AA - 068.32 của anh Bàn Văn C do chị Bàn Thị M là vợ anh C đang sử dụng dựng ở gốc cây trứng cá trước nhà T. Thấy xe không có ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. T lại gần xe thấy không có chìa khoá điện nên dắt xe ra đường tỉnh lộ 665 và ngồi trên xe đổ dốc đi về hướng ngã ba xã Ia Lâu, sau đó dắt vào vườn điều bên cạnh đường. Tại đây T dùng tay bẻ hết bưng chắn gió của xe vứt đi rồi bứt dây điện và nổ máy, điều khiển xe ra đường chính đi về hướng xã Ia Lâu. Đi được một đoạn, T dừng lại lấy cà lê trong xe tháo biển kiểm soát của xe vứt vào bụi cây gần đó rồi điều khiển xe đến nhà Rơ Lan K ở thôn T, xã Ia Ga hỏi có biển số xe máy không để xin. K lấy một biển kiểm soát cũ trong nhà đưa cho T. T lắp vào xe vừa trộm cắp được rồi điều khiển qua xã Ia Vê, huyện Chư Prông chơi. Đến khoảng 09 giờ ngày hôm sau, T điều khiển xe đến làng Doách, xã Ia Vê thì gặp chị Kpuih B ở làng N, xã Ia bán chiếc xe trên với giá 1.500.000đ. Sau khi bán xe xong, T sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 18/KLĐG ngày 04/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông xác định trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu HAELIMFI, loại xe 50, biển kiểm soát 81 AA - 068.32 là 7.800.000đ.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe nói trên cho anh Bàn Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bàn Văn C đã nhận lại chiếc xe mô tô, không có yêu cầu gì, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện gia đình bị cáo đã trả lại cho chị Kpuih B số tiền 1.500.000đ. Chị B không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 20/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nông Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo, bị hại đều khai nhận như nội dung ở trên.

Trình bày luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 05 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, các điều khoản Bộ luật hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, Người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng thêm Điều 98 và Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo không quá 12 tháng Cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Chư Prông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Nông Văn T đã nghỉ học, ở địa phương bị cáo không tham gia sinh hoạt đoàn thanh niên cũng như các tổ chức khác. Do vậy quá trình điều tra, truy tố và xét xử chỉ có người đại diện hợp pháp của bị cáo tham gia tố tụng mà không có sự tham gia của đại diện nhà trường, đoàn thanh niên hoặc tổ chức khác là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Khoảng 12 giờ ngày 06/02/2018 tại thôn Đ, xã I huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nông Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HAELIMFI, loại xe 50, biển kiểm soát 81 AA - 068.32 trị giá 7.800.000đ của anh Bàn Tuần C để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội và sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất của pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân bằng cách bất chính nên bị cáo đã vi phạm. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi của mình gây ra.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động gia

đình khắc phục một phần hậu quả, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật hình sự để xử lý bị cáo chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các đặc điểm về nhân nhân, nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác áp dụng cho bị cáo là không có tác dụng răn đe và phòng ngừa. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Nên cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự, không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

[3]. Trong vụ án này còn có sự liên quan của chị Kpuih B đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, qua điều tra không có cơ sở để chứng minh khi mua xe của bị cáo chị B biết đó là xe do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị B là đúng pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, nay không có yêu cầu gì; chị Brách đã nhận được 1.500.000đ do gia đình bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến nữa.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 05 (năm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/9/2018).

Giao bị cáo Nông Văn T cho Ủy ban nhân xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh Gia Lai
- Công an huyện;
- Lưu hồ sơ/VP(02 bản).

Đặng Chí Công